

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 85/2024/HS-PT  
Ngày: 07-08-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lê Hùng Cường

**Các Thẩm phán:** Bà Huỳnh Thị Phương

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Hữu Thái Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:**

Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2024/TLPT-HS ngày 20 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

**Bị cáo có kháng cáo:**

1. **Thái Tuấn K**, sinh ngày 14/02 1998 tại huyện T, tỉnh Long An. Nơi thường trú: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: làm ruộng. Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thái Văn B và bà Nguyễn Thị T. Tiền án: không; Tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 06/6/2023 đến ngày 16/9/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt.

2. **Dương Văn K1**, sinh ngày 13/01/2000 tại huyện T, tỉnh Long An; Nơi cư trú: ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: làm thuê. Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn T1 và bà Đỗ Thị T2. Tiền án: không; Tiền sự: không, bị cáo tại ngoại có mặt.

- **Bị hại:**

1. Anh Danh Hữu V, sinh năm 2000

Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc T3, sinh năm 2003

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.. (có mặt).

*Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, không triệu tập.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 26-12-2022, bị cáo K điện thoại liên lạc cho chị T3 (bạn gái cũ của bị cáo K) đòi số tiền 4.500.000 đồng mà bị cáo K cho chị T3 mượn nhưng chị T3 không trả. Lúc này, chị T3 đang làm thuê tại quán Trà sữa D & S tại bờ kè thị trấn T và có anh P, anh V, anh Vĩnh K2 đang ngồi cùng với chị T3 nên biết việc bị cáo K đòi tiền chị T3. Anh P điện thoại liên lạc lại cho bị cáo K hỏi bị cáo K lý do đòi tiền của chị T3 nên xảy ra mâu thuẫn cự cãi nhau qua điện thoại, anh P kêu bị cáo K xuống thị trấn T để giải quyết mâu thuẫn. Sau đó, bị cáo K điện thoại liên lạc cho bị cáo K2 nhờ bị cáo K2 điều khiển xe mô tô chở bị cáo K đi công chuyện và bị cáo K2 đồng ý. Lúc này, bị cáo K đang làm dân quân tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã N, bị cáo K đi ra phía sau vườn trụ sở Ủy ban nhân dân xã N lấy 01 dao tự chế giấu vào trong ống tay áo khoác bên trái mục đích để đi đánh nhau với anh P, dao tự chế do bị cáo K nhặt được trước đó, bị cáo K để sau vườn để chắt cây.

Bị cáo K2 điều khiển xe mô tô biển số 62E1. 265.09 đến rước bị cáo K tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã N. Sau đó, bị cáo K2 điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường T theo hướng xã T đi thị trấn T. Trên đường đi, bị cáo K2 hỏi bị cáo K là đi đâu, bị cáo K nói là “xuống công viên thắng P nó rủ đánh nhau”, bị cáo K2 tiếp tục điều khiển xe mô tô chở bị cáo K đi hướng về thị trấn T.

Đến 22 giờ 15 phút cùng ngày, nhóm của anh P, anh V, chị T3 và anh Vĩnh K2 cùng điều khiển xe mô tô lưu thông trên Tỉnh lộ 837 từ hướng thị trấn T về xã T. Anh P điều khiển xe mô tô một mình chạy phía trước, anh Vĩnh K2 điều khiển xe mô tô một mình chạy phía sau anh P, anh V điều khiển xe mô tô chở chị T3 chạy sau cùng. Khi bị cáo K2 đang điều khiển xe mô tô chở bị cáo K lưu thông trên đường T thì bị cáo K nhìn thấy nhóm của anh P nên kêu bị cáo K2 điều khiển xe mô tô quay đầu xe lại đuổi theo nhóm của anh P, bị cáo K2 đồng ý và điều khiển xe mô tô quay đầu lại đuổi theo nhóm của anh P.

Khi bị cáo K2 điều khiển xe mô tô đến đoạn đường thuộc ấp G, xã N, cách Ủy ban nhân dân xã N khoảng 300 mét, thì đuổi kịp nhóm của anh P, bị cáo K2 điều khiển xe mô tô chở bị cáo K ngồi phía sau lưu thông song song với xe của anh P, lúc này bị cáo K lấy 01 con dao tự chế bằng kim loại giấu trong tay áo khoác bên trái chém 01 cái từ trên xuống trúng vào nón bảo hiểm của anh P, anh P lách xe vào lề bên phải theo hướng đi để tránh thì đầu xe mô tô bị trượt xuống lề lộ nhưng không bị thương tích gì. Sau đó, bị cáo K2 điều khiển xe mô tô chở bị cáo K ngồi phía sau tiếp tục lưu thông thì xe mô tô của anh V1 Khang phía sau chạy ngang qua, bị cáo K cầm dao tay phải xoay người sang trái chém một cái về hướng anh Vĩnh K2 nhưng không trúng, xe anh Vĩnh K2 chạy vượt qua phía trước

khoảng 20 mét thì anh Vĩnh K2 dừng xe mô tô lại. Lúc này, bị cáo K2 dừng xe mô tô lại ngồi trên xe mô tô, bị cáo K xuống xe mô tô, khi xe của anh V chở chị T3 từ phía sau đang lưu thông tới, bị cáo K cầm con dao chém từ trên xuống 01 cái trúng vào vùng mu bàn tay phải của chị T3 gây thương tích, anh V dừng xe mô tô lại và bị ngã xe trên lộ. Lúc này, bị cáo K tiếp tục dùng dao chém từ trên xuống về hướng anh V, anh V dùng tay trái đưa lên đỡ con dao trúng vào vùng ngón I bàn tay trái của anh V gây thương tích, bị cáo K cầm dao tự chế chém ngang qua lại nhiều cái trúng vào vùng ngực, hông trái, cẳng tay phải, cẳng tay trái của anh V gây thương tích.

Bị cáo K tiếp tục dùng con dao đâm anh V, anh V dùng tay trái để chụp giật con dao lại, làm mũi dao trúng vào vùng ngực của anh V gây thương tích. Lúc này, bị cáo K2 nhìn thấy anh V và bị cáo K đang giật con dao nên bỏ xe mô tô ngã trên lộ làm phần nhựa gắn biển số xe bị hư hỏng. Bị cáo K2 chạy lại ôm anh V từ phía sau bằng hai tay kéo anh V ra, nhưng không được nên bị cáo K2 dùng tay đánh vào lưng của anh V nhiều cái, nhưng không gây thương tích.

Lúc này, anh Vĩnh K2 thấy bị cáo K2 đang ôm anh V nên cũng chạy lại dùng tay đánh bị cáo K2 và nắm kéo bị cáo K2 ra. Sau đó, anh V, bị cáo K, bị cáo K2 cùng bị té ngã xuống lề lộ, bị cáo K làm rơi con dao xuống lề lộ, anh V nhặt được con dao nên bị cáo K bỏ chạy xuống kênh, anh V cầm con dao chém 01 cái trúng vào cẳng của bị cáo K2 gây thương tích nên bị cáo K2 bỏ chạy xuống kênh, anh V đi lên trên lộ cầm dao chém 01 cái trúng vào phần đầu xe mô tô của bị cáo K2 làm phần đầu xe mô tô bị hư hỏng. Sau đó, anh V và chị T3 được đưa đi điều trị thương tích tại Bệnh viện T5.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 69/TgT.23-PY ngày 08-3-2023 của Trung tâm pháp y tỉnh L. Kết luận: 01 sẹo vết thương kèm seo mô vùng mu bàn tay phải, lành tốt, kích thước 0,6cm x 0,4cm; hạn chế vận động ngón 2, 3, 4 bàn tay phải; gãy xương bàn 3 tay phải; gãy xương bàn 4 tay phải dạng KHX. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Thị Ngọc T3 là 15%.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 74/TgT.23-PY ngày 09-3-2023 của Trung tâm pháp y tỉnh L. Kết luận: 01 sẹo trung bình vùng giữa ngực; 01 sẹo nhỏ vùng ngực nằm cạnh dưới vú trái; 01 sẹo trung bình vùng cẳng tay trái; 01 sẹo trung bình phức tạp vùng ngón I bàn tay trái; 04 dấu biến đổi sắc tố da vùng ngực, hông trái cẳng tay phải và cánh cẳng tay trái. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Danh Hữu V là 09%.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 67/TgT.23-PY ngày 08-03-2023 của Trung tâm pháp y tỉnh L. Kết luận: 01 sẹo vết thương vùng cằm trái, lành tốt, kích thước 6,5cm x 0,3cm, không hạn chế vận động nhai, còn đau khi nhai. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Dương Văn K1 là 06%.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 68/TgT.23-PY ngày 08-03-2023 của Trung tâm pháp y tỉnh L. Kết luận: 01 sẹo trung bình vùng ngón

III bàn tay trái, kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Thái Tuấn K là 02%.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 11/KL-HĐĐG ngày 10-02-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận 01 xe mô tô biển kiểm soát 62E1-265.09 nhãn hiệu SZUKI, số loại SATRIAF15, bị hư hỏng các bộ phận: phần nhựa đầu xe hư hỏng không còn giá trị sử dụng; phần nhựa chóa đèn trước hư hỏng không còn giá trị sử dụng có giá trị là 1.612.500 đồng; phần nhựa gắn biển số hư hỏng không còn giá trị sử dụng có giá trị là 352.500 đồng, tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 1.965.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSTT ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh để xét xử bị cáo Thái Tuấn K và bị cáo Dương Văn K1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Thái Tuấn K và bị cáo Dương Văn K1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Thái T4 Khanh 03 (ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam (từ ngày 06-6-2023 đến ngày 16-9-2023).

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Văn K1 02 (hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào các Điều 30, 31 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc T3 số tiền 42.832.000 đồng (bốn mươi hai triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng); buộc các bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Danh Hữu V số tiền 30.991.000 đồng (ba mươi triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt của các bị cáo khác, xử lý

vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 04/3/2024, bị cáo Thái Tuấn K và bị cáo Dương Văn K1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị xem xét lại khoản bồi thường cho các bị hại, đề nghị xử lý hình sự đối với Danh Hữu V về hành vi gây thương tích cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1 thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Các bị cáo xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

- Bị cáo Thái Tuấn K trình bày: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời xem xét giảm nhẹ phần trách nhiệm dân sự và điều tra khởi tố Danh Hữu V.

- Bị cáo Dương Văn K1 trình bày: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời xem xét phần trách nhiệm dân sự và điều tra khởi tố Danh Hữu V.

Kiểm sát viên – đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1 thực hiện kháng cáo đúng thời hạn Bộ luật Tố tụng hình sự quy định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

- Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1 tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1 đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự nên cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

- Đối với bị cáo Thái Tuấn K sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần chi phí điều trị thương tích cho các bị hại là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo từng được UBND huyện T tặng giấy khen trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, có người thân là liệt sĩ (ông bác ruột tên Thái Văn S) nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Dương Văn K1: “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo phạm tội lần đầu, có người thân là người có công với

Cách mạng (ông nội tên Dương Văn Bé H và bà nội tên Đặng Thị D) nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Thái Tuấn K 03 (ba) năm tù và bị cáo Dương Văn K1 02 (hai) năm tù là phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội các bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo K và Khang kháng c yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, giảm nhẹ trách nhiệm dân sự và yêu cầu xem xét điều tra khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích” của Danh Hữu V.

Xét yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1 kháng cáo nhưng không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Xét yêu cầu giảm phần trách nhiệm dân sự của bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1: Ở cấp sơ thẩm, các bị cáo đã tự nguyện liên đới bồi thường cho Nguyễn Thị Ngọc T3 thêm 42.832.000 đồng và cho Danh Hữu V thêm 30.991.000 đồng. Các bị cáo kháng cáo không bổ sung tình tiết mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm trách nhiệm dân sự cho các bị cáo.

Xét kháng cáo yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với anh Danh Hữu V: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo cho các bị cáo biết việc không khởi tố vụ án hình sự đối với anh Danh Hữu V nhưng các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì. Ngoài ra, như cấp sơ thẩm đã nhận định các hành vi của anh V chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” hoặc tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” nên ý kiến, đề nghị của các bị cáo là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An về hình phạt và trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật do kháng cáo không được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Lời nói sau cùng:* Các bị cáo thấy việc là của mình là sai trái pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho đối với các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1 thực hiện kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Các bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Vào khoảng 22 giờ ngày 26-12-2022, xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân nhỏ nhất giữa bị cáo K và anh P, chị T3 liên quan đến việc bị cáo K đòi tiền chị T3. Bị cáo K đã chuẩn bị một dao tự chế để đi đánh nhau với anh P, bị cáo K nhờ bị cáo K1 điều khiển xe mô tô chở bị cáo K đi công chuyện, trên đường đi bị cáo K nói cho bị cáo K1 biết là “xuống công viên thắng P nó rủ đánh nhau”. Đến khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày, bị cáo K và bị cáo K1 gặp nhóm anh P, anh V, chị T3, anh Vĩnh K2 điều khiển xe mô tô lưu thông trên Tỉnh lộ 837 theo hướng ngược lại, bị cáo K2 đã điều khiển xe mô tô quay lại đuổi theo. Khi bị cáo K2 điều khiển xe mô tô đến đoạn đường thuộc ấp G cách Ủy ban nhân dân xã N khoảng 300 mét thì đuổi kịp nhóm của anh P. Sau đó, bị cáo K đã sử dụng 01 dao tự chế mang theo chém tất cả 04 người trong đó chém 01 cái trúng nón bảo hiểm của anh P, chém 01 cái về phía anh Vĩnh K2 nhưng không trúng, chém 01 cái từ trên xuống trúng vào vùng mu bàn tay phải của chị T3 gây thương tích là 15 % và chém 01 cái hướng từ trên xuống trúng vào vùng bàn tay phải của anh V, chém qua lại nhiều cái trúng vùng ngực, hông trái, cẳng tay phải, cẳng tay trái của V gây thương tích gây thương tích là 09%.

Như vậy đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Thái Tuấn K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo K đã sử dụng một con dao tự chế để gây ra thương tích cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc T3 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15% và gây ra thương tích cho bị hại Danh Hữu V với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 09%, nên hành vi của bị cáo K đã thuộc tình tiết định khung “*tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%*” và “*dùng hung khí nguy hiểm*”. Ngoài ra mâu thuẫn của bị cáo K với nhóm của anh P là nhỏ nhất; bị cáo đã chuẩn bị sẵn hung khí nguy hiểm với mục đích gây thương tích cho người khác; khi nhóm của anh P chạy vượt qua, mặc dù nhóm của anh P không có ý định đánh nhau nhưng bị cáo K đã cố ý đuổi theo và ngay tức khắc đã chém tất cả 04 người của nhóm anh P trong đó gây ra thương tích cho 02 bị hại, mức độ tấn công đối với bị hại V là rất quyết liệt (mặc dù bị cáo K không có mâu thuẫn với bị hại V) nên hành vi của bị cáo K còn thuộc tình tiết định khung “*có tính chất côn đồ*”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là phù hợp, có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1 kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo K và K1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo K có bồi thường thiệt hại cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo từng được UBND huyện T tặng giấy khen trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, có người thân là liệt sĩ (ông bác ruột tên Thái Văn S) nên bị cáo được hưởng thêm

tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Dương Văn K1 phạm tội lần đầu, có người thân là người có công với Cách mạng (ông nội tên Dương Văn Bé H và bà nội tên Đặng Thị D) nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Thái Tuấn K 03 năm tù và bị cáo Dương Văn K1 02 năm tù là tương xứng hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều có yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt, xin giảm trách nhiệm dân sự và xem xét khởi về tội “Cố ý gây thương tích” đối với Danh Hữu V.

[4] Xét yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1: Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra. Các bị cáo kháng cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Xét yêu cầu giảm phần trách nhiệm dân sự của bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1: Ở cấp sơ thẩm, các bị cáo đã tự nguyện liên đới bồi thường cho Nguyễn Thị Ngọc T3 thêm 42.832.000 đồng và cho Danh Hữu V thêm 30.991.000 đồng. Các bị cáo kháng cáo không bổ sung tình tiết mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm trách nhiệm dân sự cho các bị cáo.

Xét kháng cáo yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với anh Danh Hữu V: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo cho các bị cáo biết việc không khởi tố vụ án hình sự đối với anh V nhưng các bị cáo không có ý kiến khiếu nại. Ngoài ra, như cấp sơ thẩm đã nhận định thì các hành vi của anh V chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” hoặc tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” nên ý kiến, đề nghị của các bị cáo là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Các nội dung, quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021.

Không chấp nhận kháng cáo của bị Thái Tuấn K và Dương Văn K1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024

của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An về hình phạt và trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

Tuyên bố các bị cáo: Thái Tuấn K và bị cáo Dương Văn K1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Thái Tuấn K 03 (ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam là 103 (một trăm lẻ ba) ngày (từ ngày 06/6/2023 đến ngày 16/9/2023).

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Văn K1 02 (hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày thi hành án.

## 2. Trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào các Điều 30, 31 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc T3 số tiền 42.832.000 đồng (bốn mươi hai triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng); buộc các bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Danh Hữu V số tiền 30.991.000 đồng (ba mươi triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1 mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Thái Tuấn K và bị cáo Dương Văn K1 liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.691.150 đồng (ba triệu sáu trăm chín mươi một nghìn một trăm năm mươi đồng).

4. Về án phí phúc thẩm: Buộc bị cáo Thái Tuấn K và Dương Văn K1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (01b);
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hùng Cường**